

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu giải pháp kỹ thuật của vật liệu xây dựng:		
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: Cát, đá các loại, cấp phối đá dăm, xi măng, sắt, thép.	Có bảng kê đầy đủ danh sách vật tư, vật liệu chủ yếu. Trong đó nêu rõ chủng loại, xuất xứ, nguồn cung cấp/hãng sản xuất, chỉ tiêu và thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT; Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp (đơn vị này phải có năng lực cung cấp các loại vật liệu tương ứng thể hiện qua giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép khai thác...).	Đạt
	Không có bảng kê danh sách vật tư, vật liệu chính hoặc có nhưng không đầy đủ; hoặc không nêu nguồn gốc xuất xứ/nguồn cung cấp/hãng sản xuất của các vật tư; Không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp. Hoặc có hợp đồng nguyên tắc nhưng không hợp lệ (có dấu hiệu cắt, gián, không phù hợp, không thống nhất các nội dung trong hợp đồng...).	Không đạt
1.2. Đối với vật liệu bê tông nhựa	Có trạm trộn bê tông nhựa hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp bê tông nhựa nóng (cung cấp tài liệu kiểm định thiết bị, hóa đơn ...)	Đạt
	Không có trạm trộn bê tông nhựa nóng hoặc không có hợp đồng nguyên tắc	Không đạt

	với đơn vị cung cấp bê tông nhựa nóng	
1.2. Đối với vật liệu là cấp phối đá dăm gia cố xi măng	Có trạm trộn cấp phối đá dăm gia cố xi măng hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cấp phối đá dăm gia cố xi măng (cung cấp tài liệu kiểm định thiết bị, hóa đơn ...)	Đạt
	Không có trạm trộn cấp phối đá dăm gia cố xi măng hoặc không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cấp phối đá dăm gia cố xi măng	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật		
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, rào chắn, biển báo, giao thông trong quá trình thi công	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng (có bản vẽ bố trí lán trại, phòng thí nghiệm, kho vật liệu, bãi tập kết vật liệu, chất thải, hàng rào che chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, cấp điện, giao thông phù hợp với hiện trạng công trình...).	Đạt
	Không có giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình; không có bản vẽ bố trí lán trại, phòng thí nghiệm, kho vật liệu, bãi tập kết vật liệu, chất thải, hàng rào che chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông phù hợp với hiện trạng công trình, hiện trạng khu vực.	Không đạt
2.2. Giải pháp phá dỡ, tháo dỡ các công trình cũ (nếu có)	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.3. Công tác thi công xây mới, bao gồm: - Thi công nền đường; - Thi công mặt đường bê tông nhựa; - Thi công hệ thống thoát nước; - Thi công hệ thống ATGT - Công tác thi công hè đường	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng của từng hạng mục, từng công tác.	Đạt
	Không có giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi	Không đạt

- Các hạng mục phụ trợ khác	công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng của từng công tác.	
2.4. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người.	Có sơ đồ và thuyết minh ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật.	Đạt
	Không có sơ đồ hoặc thuyết minh, hoặc có nhưng không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt.	Không đạt
3. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, bảo hành		
3.1. Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư, vật liệu	Có giải pháp khả thi	Đạt
	Không có giải pháp khả thi	Không đạt
3.2. An toàn lao động, an toàn điện	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an toàn điện rõ ràng	Đạt
	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an toàn điện: không có hoặc không rõ ràng	Không đạt
3.3. Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy	Có giải pháp khả thi	Đạt
	Không có giải pháp khả thi	Không đạt
3.4. Thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành	Có thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành.	Đạt
	Không có thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành	Không đạt
4. Biện pháp bảo đảm chất lượng		
4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, khả thi và không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả	Không đạt

	thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	
5. Thời gian thực hiện hợp đồng:	Mức độ đáp ứng	
5.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: Đảm bảo thời gian thực hiện hợp đồng không quá 540 ngày.	Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng không vượt quá 540 ngày kể từ ngày khởi công.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thực hiện hợp đồng vượt quá 540 ngày.	Không đạt
5.2. Tính phù hợp: i) Giữa huy động vật tư và thời gian thực hiện hợp đồng; ii) Giữa huy động thiết bị và thời gian thực hiện hợp đồng; iii) Giữa bố trí nhân lực và thời gian thực hiện hợp đồng.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung i) và ii), iii).	Đạt
	Đề xuất không đủ 3 nội dung i) và ii), iii).	Không đạt
5.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:		
6.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 12 tháng	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng	Không đạt
6.2. Uy tín nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 5 năm trở lại đây (tính từ năm 2021). Về uy tín tham dự thầu: Trừ trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do bất khả kháng, nhà thầu sẽ bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu khi thực hiện một trong các hành vi theo quy định tại khoản 1, Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. Trong trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do	- Uy tín tham dự thầu: Không có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025; - Uy tín về kết quả thực hiện hợp đồng tương tự: Không có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu; - Có văn bản cam kết về các nội dung trên. Hoặc: - Uy tín tham dự thầu: Trong quá trình tham dự thầu có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025; Tuy nhiên nhà thầu đã thực hiện biện pháp bảo đảm dự	Đạt

<p>bất khả kháng, để không bị đánh giá là vi phạm uy tín tham dự thầu thì nhà thầu phải cung cấp văn bản xác nhận/chấp thuận của Chủ đầu tư.</p> <p>Nhà thầu phải có văn bản cam kết với Chủ đầu tư về nội dung này.</p>	<p>thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu quy định tại E-CDNT 18.2;</p> <p>- Uy tín về kết quả thực hiện hợp đồng tương tự: Không có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu; Có văn bản cam kết về nội dung này</p>	
<p>Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu: Nếu có thông tin hoặc tài liệu chứng minh nhà thầu vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự, thì Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu giải thích, làm rõ làm cơ sở đánh giá hồ sơ dự thầu.</p>	<p>- Uy tín tham dự thầu: Trong quá trình tham dự thầu có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025; hoặc nhà thầu có vi phạm uy tín tham dự thầu nhưng không tiến hành thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu quy định tại E- CDNT 18.2; hoặc</p> <p>- Uy tín về kết quả thực hiện hợp đồng tương tự: Có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu; hoặc</p> <p>- Không cung cấp thông tin; hoặc</p> <p>- Không có văn bản cam kết</p>	<p>Không đạt</p>

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phân chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT